TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ...../2021/DSST
Ngày 26/5/2021
V/v tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn P;
2. Ông Trần Văn Ph.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Danh Văn A– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà***: Bà Lý Thị N- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25, 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp "Hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2020/QĐST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2020, Thông báo dời ngày xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2021/QĐST-DS ngày 24/3/2021, giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà N Y L, sinh năm 1981;
Địa chỉ: ấp Bình Thiện, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
2/. Bị đơn: Bà N T K, sinh năm 1955;
Địa chỉ: ấp Bình Thiện, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
3/. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông N V U, sinh năm 1974.
Địa chỉ: ấp Bình Thiện, xã Vĩnh Thanh, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.
(Bà L, bà K mặt tại phiên tòa; ông U có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà N Y L trình bày: Bà N T K bắt đầu tham gia chơi hụi do bà L làm chủ vào năm 2010, còn tháng mấy thì không nhớ, đầu tiên bà K tham gia chơi 01 chưng, loại hụi mùa (4 tháng khui 1 lần), mỗi chưng 2.000.000 đồng, có 15 người chơi, 15 chưng, chưng hụi này bà K bán hụi cho bà L ở lần khui thứ 7 với giá 16.500.000 đồng. Đến ngày 01 tháng 3 năm 2011, bà L mở 02 dây hụi mùa (4 tháng khui 1 lần), loại hụi 3.000.000

đồng/ 1 chưng; bà K tham gia chơi 02 chưng ở 02 dây hụi: dây hụi 1 có 14 người chơi gồm 14 chưng, bà K tham gia chơi 01 chưng, bà K đóng hụi đến lần thứ 3 thì hốt hụi, bà K bỏ số tiền 1.600.000 đồng, còn bà K hốt được bao nhiêu thì bà L không nhớ, sau khi hốt hụi xong bà K có đóng lại cho bà L được vài lần còn bao nhiêu lần thì không nhớ và ngưng đóng hụi. dây hụi 2, có 15 chưng hụi, bà K tham gia chơi 01 chưng hụi, bà K đóng đến lần thứ 2 thì hốt hụi được số tiền khoản 22.000.000 đồng, bà K đã đóng hụi chết được khoản 4-5 kỳ thì ngưng đóng. Các dây hụi này đã mãn hụi vào năm 2015. Bà và bà K tính lại, tổng 2 dây hụi bà K còn thiếu bà L tiền hụi chết là 25.000.000 đồng. Nay bà L yêu cầu bà K trả tiền hụi còn thiếu là 25.000.000 đồng. Không đồng ý theo yêu cầu phản tố của bà K đòi bà L trả số tiền mua hụi 35.000.000 đồng.

Bị đơn bà N T K trình bày: Bà thừa nhận trước đây vào khoảng năm 2010 bà có tham gia 01 chưng hụi mùa do N Y L làm chủ, bà đóng hụi được vài lần thì bán hụi lại cho L được số tiền 16.500.000 đồng nhưng L vẫn chưa trả tiền cho bà K. Đến năm 2011, bà K có tham gia 02 dây hụi với số lượng 02 chưng hụi mùa do L làm chủ, loại hụi 3.000.000 đồng/ 1 chưng, sau đó bà K hốt hụi và có đóng hụi chết cho L vài lần thì không có đóng hụi chết cho bà L nửa, sau khi mãn hụi thì giữa bà K và bà L tính lại thì bà K còn thiếu bà L tiền hụi chết của 02 chưng hụi mùa tổng số tiền 25.000.000 đồng. Trước đây bà L có mượn của bà K số tiền 2.700.000 đồng, bà K có gửi tiền đóng hụi cho bà L và bà K có cho bà L mượn 01 chỉ vàng 24k tính ra bằng tiền 3.800.000 đồng, tính tổng cộng lại bằng số tiền 35.000.000 đồng. Nay bà K đồng ý trả bà L tiền hụi 25.000.000 đồng. Yêu cầu phản tố đòi bà L trả số tiền 35.000.000 đồng, trừ vào số tiền bà K thiếu bà L 25.000.000 đồng, tiếp tục yêu cầu bà L trả số tiền 10.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông N V U có lời khai: Ông là chồng của bà N Y L, việc vợ ông bà L làm chủ hụi và bà K tham gia chơi hụi thì ông có biết, nhưng cụ thể tham gia chơi hụi như thế nào thì ông không rõ. Nay ông thống nhất với yêu cầu của bà L đòi bà K trả số tiền hụi còn thiếu là 25.000.000 đồng, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà K.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L kiện đòi bà K trả tiền hụi số tiền 25.000.000 đồng, buộc bà K có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bàn L số tiền 25.000.000 đồng; chấp nhận một phần yêu khởi kiện của bà K, buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà K số tiền nợ hụi là 16.500.000 đồng. Về án phí, các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà N Y L khởi kiện bà N T K về tranh chấp nợ hụi tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân huyện

Phước Long thụ lý, giải quyết là phù hợp với Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh U có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử nên việc xét xử vắng mặt anh U là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N Y L đòi bà N T K trả tiền hụi còn thiếu là 25.000.000 đồng: Cả bà L và bà K đều xác định, bà K có tham gia chơi 03 chưng hụi do bà L làm chủ hụi, các chưng hụi đã mãn hụi vào năm 2015. Bà L, bà K đã tính toán tiền hụi và đi đến thống nhất bà K còn thiếu tiền hụi bà L số tiền 25.000.000 đồng. Lời thừa nhận của bà L, bà K là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L đòi bà K trả tiền hụi còn thiếu là 25.000.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện phản tố của bà N T K đòi bà N Y L trả số tiền 35.000.000 đồng:

[5] Về yêu cầu của bà K đòi bà L trả số tiền mua hụi 16.500.000 đồng. Bà K và bà L xác định vào năm 2010, bà K tham gia chơi 01 chưng hụi mùa 2.000.000 đồng do bà L làm chủ hụi, dây hụi có 15 chưng hụi, 04 tháng khui 1 lần. Cả bà K và bà L đều thống nhất bà K bán chưng hụi này cho bà L ở lần khui thứ 7 với giá 16.500.000 đồng, lời thừa nhận của bà L, bà K là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà L xác định đã trả tiền mua hụi cho bà K xong bằng việc cấn trừ vào thiền hụi chết mà bà K không đóng cho bà và trả tiền mặt tổng cộng số tiền 16.500.000 đồng, nhưng về bà K không thừa nhận bà L đã trả số tiền 16.500.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, cả bà K và bà L đều thừa nhận bà L có mua hụi bà K số tiền 16.500.000 đồng, bà L cho rằng đã trả tiền cho bà K xong như trình bày ở phần trên thể hiện qua Tờ giấy (Bút Lụt số 20) nhưng bà K không thừa nhận. Qua xem xét nội dung tờ giấy (Bút lụt số 20) không thể hiện nội dung nào bà L trả tiền hụi cho bà K số tiền 16.500.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà K đòi bà L trả tiền mua hụi số tiền 16.500.000 đồng.

[6] Về khoản tiền bà K đòi bà L trả số tiền 18.500.000 đồng gồm: tiền mượn là 2.700.000 đồng, mượn 01 chỉ vàng 24k tính trị giá 3.800.000 đồng, còn lại là tiền gửi đóng hụi 12.000.000 đồng. Về phía bà L không thừa nhận có thiếu bà K các khoản tiền như bà K yêu cầu. Về phía bà K cung cấp cho Tòa án Tờ giấy (Bút lụt số 20) là chử viết của bà L có nội dung thống kê các khoản tiền như "8000 đồng hụi, 4000 2 triệu, 3800 vàng" đều không thể hiện nội dung là biên nhận bà L thiếu tiền bà K, ngoài ra bà K không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp", vì vậy Hội đồng xét xử chưa có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà K.

[7] Từ những chứng cứ và phân tích vừa nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L kiện bà K đòi tiền hụi số tiền 25.000.000 đồng, chấp

nhận yêu cầu phản tố của bà K đòi bà L trả tiền mua hụi số tiền là 16.500.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N T K đòi bà N Y L trả số tiền là 18.500.000 đồng.

[8] Xét thấy quan điểm của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận.

[9] Về án phí xét xử dân sự có giá ngạch: buộc bà L phải chịu theo quy định pháp luật. Về phía bà K thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí nhưng phải có đơn xin miễn nộp tiền án phí nhưng tại phiên tòa bà K có ý kiến bà không làm đơn xin miễn nộp tiền án phí nên buộc bà K phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280 và 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N Y L đòi bà N T K trả tiền hụi còn thiếu là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc bà N T K có nghĩa vụ trả cho bà N Y L, ông N V U số tiền hụi là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

2/. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N T K đòi bà N Y L trả tiền mua hụi là 16.500.000 đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Buộc bà N Y L có nghĩa vụ trả cho bà N T K tiền mua hụi là 16.500.000 đ (Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

3/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N T K đòi bà N Y L trả tiền là 18.500.000 đ (Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4/. Về án phí: Buộc bà N Y L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 825.000 đ (Tám trăm hai mươi lăm nghìn), bà L đã tạm ứng án phí số tiền 625.000 đồng tại biên lai số 0009473 ngày 14/7/2020 được chuyển thu án phí, buộc bà L tiếp tục nộp số tiền 200.000 đồng; Buộc bà N T K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 2.175.000 đ (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm đồng), bà K đã tạm ứng số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0009505 ngày 04/8/2020 được chuyển thu án phí,

buộc bà K tiếp tục nộp số tiền 1.875.0000 đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

"Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm dân sự công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh Tồn